

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/4/2024		●	
Tuần 1/4-5/4/2024		●	
Tháng 04/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm co quanh ngưỡng 1,280 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,281.52 điểm, giảm hơn 2 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Bảo hiểm,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng hơn 700 tỷ trên sàn HSX. Vùng tích lũy của VN-Index đã dịch chuyển từ 1,265 – 1,280 lên 1,280 – 1,300, và chỉ số cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để bứt phá khỏi vùng tích lũy này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.57** điểm, đóng cửa tại **1281.52** điểm. HNX-Index **+0.32** điểm, đóng cửa tại **242.9** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+0.52)**, **VCB (+0.41)**, **GAS (+0.23)**, **DIG (+0.2)**, **VIC (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.71)**, **MBB (-0.63)**, **VNM (-0.3)**, **DGC (-0.28)**, **MSN (-0.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,508** tỷ đồng, tăng **11.12%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **23,232** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **12.71** điểm. Thị trường có **144** mã tăng, **77** mã tham chiếu, **327** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-722.97** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-248.10 tỷ)**, **SSI (-170.15 tỷ)**, **VNM (-159.28 tỷ)**, **VCI (-98.19 tỷ)**, **DGC (-85.72 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **58.60** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.30%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVS (+3.83%)**, **PVD (+1.55%)**, **NLG (+1.04%)**.
- BSC50 **+0.06%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+4.66%)**, **DIG (+4.04%)**, **DIG (+4.04%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.30%	0.06%	-0.20%	-0.33%
1 tuần	2.03%	1.89%	1.28%	2.12%
1 tháng	2.33%	1.88%	1.95%	2.77%
3 tháng	22.76%	17.32%	7.19%	6.21%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,281.52	242.90	91.33
% 1D	-0.20%	0.13%	-0.26%
GTGD (tỷ VND)	21,508	2,180	502
%1D	11.12%	31.08%	-10.31%
GDNN (tỷ VND)	-722.97	58.60	-16.63

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DIG	165.62	MSN	-248.10
MWG	129.70	SSI	-170.15
PDR	86.71	VNM	-159.28
STB	47.11	VCI	-98.19
NVL	29.41	DGC	-85.72

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,254	0.11%	0.24%
FTSE100	7,953	0.26%	0.89%
Eurostoxx	4,428	0.29%	0.58%
Shanghai	3,077	1.19%	1.69%
Nikkei	39,841	-1.31%	-1.49%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	87.24	-0.27%
Giá vàng	2,283	2.98%

Tỷ giá

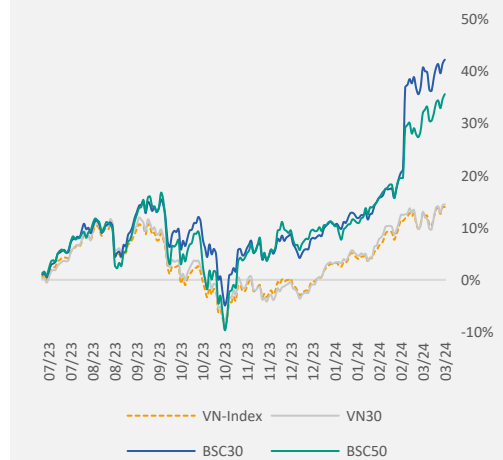
USD/VND	24,970	0.00%
EUR/VND	27,491	0.16%
JPY/VND	168.00	0.00%

Lãi suất

LS liên NH 1M	2.71%	-0.04%
LS TPCP 10Y	0.00%	0.00%

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	13.50	6.67%	0.52	5.58
VCB	94.90	0.32%	0.41	1.22
GAS	80.20	0.50%	0.23	0.75
DIG	32.20	4.04%	0.20	26.74
VIC	47.65	0.42%	0.19	4.45

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.20	3.83%	2.91	15.24
SHS	20.10	1.00%	0.64	24.62
VIF	16.60	2.41%	0.56	0.00
CEO	22.90	0.87%	0.41	11.33
NDN	11.90	6.72%	0.24	0.92

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DXS	7.30	6.99%	0.08	3.95
CLW	37.25	6.98%	0.01	0.00
SKG	15.10	6.95%	0.02	2.59
SGR	21.20	6.84%	0.02	0.14
HVN	13.50	6.67%	0.52	5.58

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAT	46.40	9.91%	0.06	0.00
ONE	6.10	9.84%	0.02	0.19
SDA	6.10	9.84%	0.07	0.44
BTW	37.80	9.79%	0.15	0.00
MED	22.90	9.17%	0.11	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	35.55	-1.55%	-0.71	7.92
MBB	25.40	-1.97%	-0.63	29.11
VNM	67.60	-0.89%	-0.30	5.01
DGC	123.40	-2.51%	-0.28	2.75
MSN	74.20	-1.08%	-0.28	7.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	19.40	-1.03%	-0.69	3.36
VCS	72.10	-1.53%	-0.68	0.10
IDC	59.00	-0.85%	-0.64	0.92
MBS	30.30	-0.99%	-0.51	4.75
BAB	12.60	-0.79%	-0.35	0.00

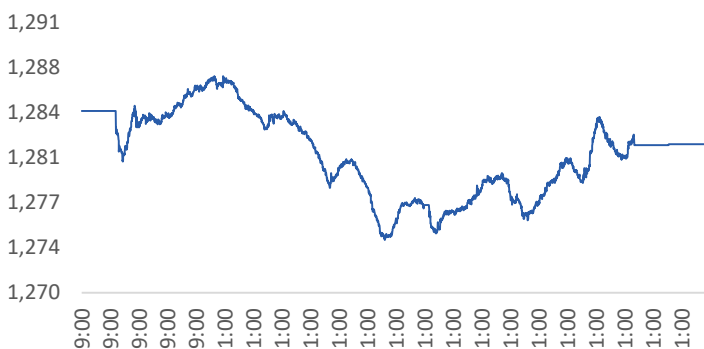
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPX	7.86	-7.00%	-0.04	46.82
AGM	6.71	-6.86%	0.00	0.81
PMG	9.00	-6.67%	-0.01	0.00
SVD	3.47	-6.05%	0.00	0.29
SCD	14.50	-5.86%	0.00	0.00

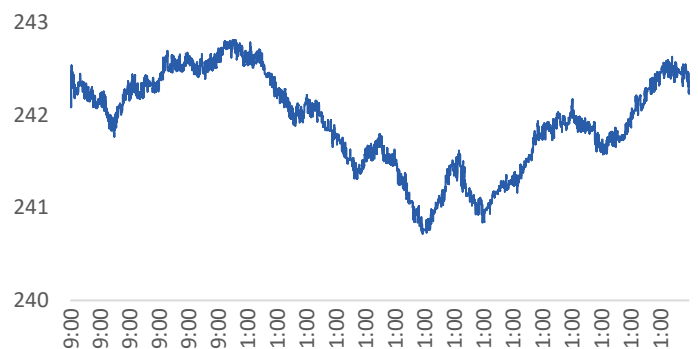
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	22.50	-9.78%	-0.04	0.34
VC6	15.00	-9.33%	-0.04	0.00
HLC	15.90	-8.81%	-0.13	0.00
L43	3.60	-8.33%	0.00	0.00
L61	3.80	-7.89%	-0.01	0.03

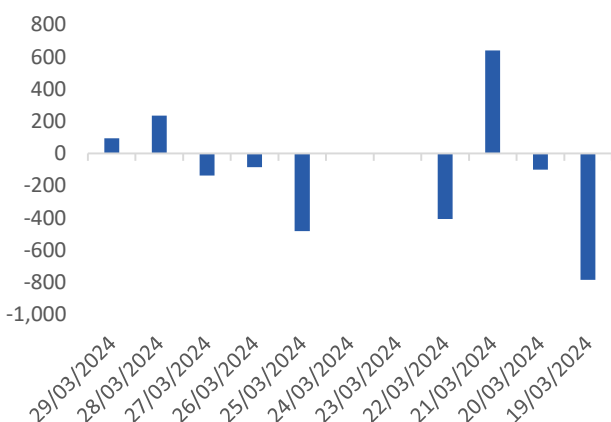
Hình 1
HSX-Index Intraday



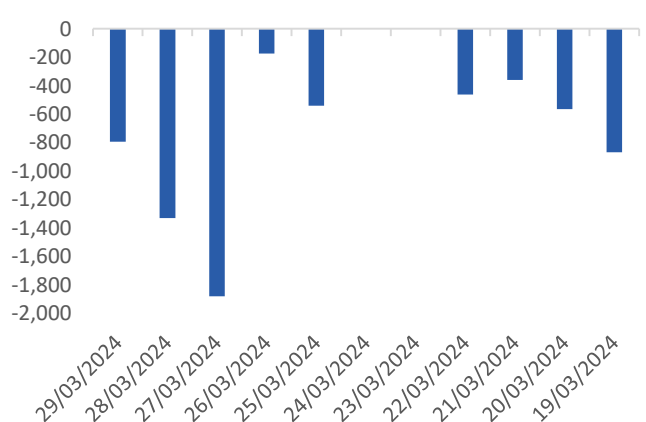
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	94.9	-0.80%	0.7	21,400	3.1	5,797	16.4	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	52.1	-1.00%	1.0	11,983	3.8	3,572	14.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	0.50%	1.0	6,322	16.4	1,461	13.5	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	47.6	-0.90%	1.2	6,758	12.3	5,052	9.4	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.4	-0.40%	1.0	5,418	11.9	3,448	7.4	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.6	-1.20%	1.0	2,404	44.1	3,600	8.8	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.6	-0.60%	1.0	7,702	6.4	3,279	10.8	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	28.5	0.50%	0.8	4,466	15.5	3,722	7.7	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	38.5	-1.70%	1.2	2,329	27.2	1,090	35.3	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	59.0	0.30%	1.0	786	4.9	3,900	15.1	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	30.2	-1.00%	1.3	7,097	18.1	1,177	25.7	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	23.6	-1.70%	1.6	588	9.5	1,318	17.9	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	42.8	-1.00%	1.3	7,528	13.3	7,586	5.6	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	37.8	-0.30%	1.3	1,219	4.5	892	42.4	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	43.4	-1.00%	1.3	673	4.0	746	58.1	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	123.4	-0.40%	1.5	1,891	9.8	7,968	15.5	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	35.2	-1.10%	1.4	751	2.7	2,093	16.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	80.2	-0.10%	0.7	7,432	2.0	5,018	16.0	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	39.2	0.50%	0.8	756	10.7	1,792	21.9	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.4	0.50%	1.2	726	8.7	1,068	30.3	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.4	-0.40%	0.8	1,077	2.2	424	26.9	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	78.4	-1.10%	1.0	710	1.4	3,865	20.3	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	79.7	-0.40%	1.1	984	2.2	6,736	11.8	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	67.6	-0.10%	0.7	5,700	9.5	4,214	16.0	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	74.2	-2.40%	1.4	4,284	24.9	(338)	-219.3	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	51.1	0.20%	1.6	3,015	24.4	115	446.1	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.9	1.20%	0.7	1,335	11.0	5,893	16.8	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	66.1	0.50%	1.5	446	7.3	2,112	31.3	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	116.5	-0.50%	0.8	5,969	6.3	4,576	25.5	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	138.3	-2.70%	1.0	638	3.8	4,515	30.6	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.1	-0.60%	0.8	2,832	6.3	2,746	8.8	1.8	19.6%	23.2%
VIB	Ngân hàng	24.6	1.40%	1.2	2,518	6.1	3,534	7.0	1.9	20.5%	28.8%
TPB	Ngân hàng	19.1	0.00%	1.1	1,697	4.5	2,697	7.1	1.4	29.8%	19.8%
MSB	Ngân hàng	14.6	-2.30%	1.3	1,174	4.8	2,405	6.0	1.0	30.0%	17.8%
EIB	Ngân hàng	18.4	-0.50%	0.9	1,292	3.8	1,462	12.6	1.7	1.8%	12.6%
HCM	Chứng khoán	29.5	-1.80%	1.3	898	8.7	757	38.9	2.8	41.0%	7.3%
VCI	Chứng khoán	53.8	0.20%	1.7	950	8.2	780	69.0	3.2	21.7%	4.7%
VND	Chứng khoán	23.0	-1.10%	1.5	1,128	31.2	467	49.2	1.9	22.6%	3.8%
BID	Ngân hàng	52.1	-1.00%	1.0	11,983	3.8	3,572	14.6	2.8	17.3%	20.7%
SHS	Chứng khoán	20.1	-2.40%	1.6	659	14.9	507	39.6	1.7	13.2%	4.3%
LCG	Xây dựng	13.8	1.10%	1.5	106	2.3	648	21.4	1.0	2.1%	3.8%
HUT	Xây dựng	19.4	-1.50%	1.7	699	2.4	34	564.5	2.1	1.6%	1.3%
CTD	Xây dựng	73.0	0.40%	0.9	294	3.6	1,881	38.8	0.9	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	-1.00%	1.3	256	3.6	735	20.9	1.2	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.4	-2.60%	1.5	-	0.6	432	26.4	1.1	0.0%	5.2%
DIG	BĐS KCN	32.2	-1.50%	1.8	792	21.9	289	111.4	2.5	5.2%	1.1%
CEO	BĐS KCN	22.9	-2.10%	1.0	476	10.5	348	65.9	1.9	5.6%	8.3%
KBC	BĐS KCN	35.0	-1.70%	1.5	1,082	13.7	2,490	14.0	1.3	20.8%	18.9%
VGC	BĐS KCN	58.4	-1.70%	1.3	1,056	3.3	2,820	20.7	2.8	5.4%	13.6%
SZC	BĐS KCN	44.0	2.20%	1.3	320	5.2	1,218	36.1	4.6	3.2%	10.9%
SIP	BĐS KCN	94.0	3.40%	1.5	690	2.5	5,024	18.7	4.2	0.3%	26.5%
PHR	BĐS KCN	63.9	0.50%	1.1	349	2.5	4,368	14.6	2.3	15.8%	26.9%
GVR	BĐS KCN	33.2	0.30%	1.5	5,350	4.3	538	61.6	2.4	0.3%	7.0%
NKG	Vật liệu	25.6	-1.70%	1.5	272	6.4	464	55.2	1.3	16.0%	13.5%
BMP	Hóa chất	110.0	-2.70%	0.5	363	1.2	12,704	8.7	3.4	85.9%	38.4%
IJC	Bất động sản	15.8	-1.60%	1.7	241	1.8	1,046	15.1	1.6	5.9%	10.9%
DXG	Bất động sản	19.8	-0.70%	1.8	577	10.7	245	80.9	1.0	20.0%	3.4%
VRE	Bất động sản	25.8	0.80%	1.2	2,370	5.2	1,940	13.3	1.6	31.0%	10.7%
PDR	Bất động sản	31.8	-0.80%	1.9	949	11.5	926	34.4	2.5	7.4%	9.0%
CSV	Hóa chất	64.8	6.20%	1.4	116	4.6	4,558	14.2	2.0	3.7%	21.0%
DHC	Hóa chất	43.6	-0.70%	1.0	142	0.3	3,840	11.4	1.9	35.8%	18.1%
PLX	Dầu khí	37.3	-0.70%	1.0	1,912	1.7	2,123	17.6	1.8	17.1%	11.7%
PLC	Dầu khí	34.4	0.60%	1.4	112	0.4	1,333	25.8	2.1	1.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	19.3	-0.50%	1.2	-	3.7	2,756	7.0	1.1	0.8%	9.7%
DRC	Săm lốp	33.5	3.10%	0.7	161	6.2	2,086	16.1	2.1	13.6%	13.5%
PC1	Tiện ích	28.4	0.00%	1.3	357	6.2	106	268.7	1.5	8.5%	5.0%
HDG	Tiện ích	29.2	-0.70%	1.3	361	2.9	2,004	14.6	1.3	22.8%	16.8%
GEX	Tiện ích	24.9	0.40%	1.9	855	21.9	299	83.3	1.1	12.6%	5.4%
QTP	Tiện ích	15.9	1.90%	0.6	-	0.2	1,366	11.6	1.4	1.2%	9.9%
REE	Tiện ích	63.8	-0.20%	0.9	1,052	2.3	4,974	12.8	1.3	49.0%	18.5%
ANV	Thủy sản	34.8	-1.60%	1.3	187	1.8	329	105.6	1.8	3.0%	10.0%
PTB	Thủy sản	65.9	2.80%	0.7	178	1.3	4,347	15.2	1.6	20.9%	13.4%
PVT	Logistics	28.6	-0.30%	0.9	374	2.5	2,660	10.8	1.0	12.3%	16.4%
VSC	Logistics	23.2	-1.10%	1.4	249	5.6	296	78.2	1.9	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	42.9	-1.50%	1.4	183	3.1	3,681	11.7	1.4	3.9%	24.6%
VTP	Logistics	87.9	-0.90%	1.1	432	4.7	3,122	28.2	6.9	9.4%	15.1%
DBC	Bán lẻ	32.4	0.60%	1.4	316	13.7	103	313.5	1.7	4.5%	2.9%
FRT	Bán lẻ	156.0	-0.60%	0.6	858	5.6	(2,577)	-60.5	14.3	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.6	-0.80%	0.7	-	1.1	6,134	8.1	2.1	15.5%	24.3%
DPM	Phân bón	35.8	-1.20%	1.3	565	3.0	1,352	26.5	1.3	10.0%	19.1%
TNG	Đệt may	22.2	-1.30%	0.9	102	1.6	1,997	11.1	1.5	18.6%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
2	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024			Click
3	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 1Q/2024		x	Click
5	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639